



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/8/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

**Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 41,5 % vốn điều lệ.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: [www.iseebooks.vn](http://www.iseebooks.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 45 người, trong đó cán bộ quản lý là 10 người.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                         |          |                              |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ông Thừa Phú      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30/03/2012     |
| • Ông Huỳnh Bá Vân      | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh       | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Phạm Thanh Nam    | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |

### **Ban Kiểm soát**

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Tiến Dũng | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Lê Quang Tiến  | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2012 |
| • Ông Hồ Phú Cường   | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 30/03/2012     |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                         |                   |                              |
|-------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Hồ Văn Lĩnh       | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 15/03/2016 |
| • Ông Trần Phước Chương | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2015 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/05/2016     |
|                         | Kế toán trưởng    | Tái bổ nhiệm ngày 30/03/2015 |
|                         |                   | Miễn nhiệm ngày 01/07/2016   |
| • Bà Lê Ngọc            | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 01/07/2016     |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Hồ Văn Linh**  
*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2017*



Số: 254/2017/BCKT-AAC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/02/2016, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.874.364.017</b>	<b>62.097.024.910</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.459.384.182</b>	<b>10.152.303.856</b>
1. Tiền	111	5	3.459.384.182	1.652.303.856
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	8.000.000.000	8.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>408.545.000</b>	<b>348.002.273</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7a	408.545.000	408.545.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(60.542.727)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.440.447.608</b>	<b>15.561.784.621</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.906.638.064	10.492.240.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	2.093.928.073	4.985.885.423
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.148.371.742	695.359.498
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.111.415.836)	(636.742.671)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		402.925.565	25.042.050
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>25.301.416.903</b>	<b>33.165.121.982</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.441.035.009	40.640.035.798
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.139.618.106)	(7.474.913.816)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.264.570.324</b>	<b>2.869.812.178</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	2.134.917.754	2.119.954.831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.914.440	749.625.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	60.738.130	231.669
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.681.728.560</b>	<b>30.840.674.794</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>3.400.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	3.400.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.283.604.464</b>	<b>19.851.096.782</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	11.452.533.253	12.003.025.567
- Nguyên giá	222		16.676.770.394	16.366.076.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.224.237.141)	(4.363.050.827)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	7.831.071.211	7.848.071.215
- Nguyên giá	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.927.789)	(36.927.785)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7b</b>	<b>21.677.250.000</b>	<b>6.799.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.227.750.000	1.350.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>720.874.096</b>	<b>790.078.012</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	720.874.096	790.078.012
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>98.556.092.577</b>	<b>92.937.699.704</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.307.095.809</b>	<b>17.777.119.651</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.307.095.809</b>	<b>17.777.119.651</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.238.857.741	3.842.367.024
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	234.723.431	884.605.322
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	132.535.211	414.946.363
4. Phải trả người lao động	314		946.573.099	919.794.021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.978.415.574	3.161.455.901
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.720.000	24.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	8.754.332.835	504.180.357
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	5.072.534.965	6.944.501.374
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.402.953	1.081.269.289
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.248.996.768</b>	<b>75.160.580.053</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>70.248.996.768</b>	<b>75.160.580.053</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	5.351.901.478	4.689.507.553
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	17.804.456.257	23.378.433.467
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.126.793.467	13.077.556.480
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.677.662.790	10.300.876.987
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>98.556.092.577</b>	<b>92.937.699.704</b>

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Lĩnh

Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	128.916.454.338	132.937.482.467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.903.138.912	2.505.133.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		126.013.315.426	130.432.348.511
4. Giá vốn hàng bán	11	25	83.886.067.617	95.640.601.274
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>42.127.247.809</b>	<b>34.791.747.237</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	619.573.661	847.445.106
7. Chi phí tài chính	22	27	1.447.734.867	(119.137.412)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	570.834.464	519.137.698
8. Chi phí bán hàng	25	28	12.023.472.818	8.673.676.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	12.294.570.920	10.258.903.719
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.981.042.865</b>	<b>16.825.749.936</b>
11. Thu nhập khác	31		1.981.961	93.811.240
12. Chi phí khác	32	30	10.414.220	110
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(8.432.259)</b>	<b>93.811.130</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.972.610.606</b>	<b>16.919.561.066</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.724.732.118	4.043.464.831
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>13.247.878.488</b>	<b>12.876.096.235</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.417	2.278
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	2.417	2.278

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Lĩnh

Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu số B 03 - DN**  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		120.949.035.792	128.688.721.061
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(81.043.143.932)	(109.720.473.658)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.914.538.111)	(5.215.841.247)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	19, 27	(578.501.513)	(521.601.663)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(4.084.769.415)	(3.967.491.083)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.568.835.899	1.555.982.349
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.251.903.980)	(6.991.631.101)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.645.014.740</b>	<b>3.827.664.658</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(295.985.000)	(211.800.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	7b	(14.877.750.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10, 26	628.406.995	858.674.272
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.545.328.005)</b>	<b>1.646.874.272</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	49.694.435.980	41.631.061.163
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(51.566.402.389)	(44.868.384.733)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20, 22d	(7.920.640.000)	(6.988.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.792.606.409)</b>	<b>(10.226.123.570)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.307.080.326</b>	<b>(4.751.584.640)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	5, 6	10.152.303.856	14.903.888.496
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5, 6	<b>11.459.384.182</b>	<b>10.152.303.856</b>

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Hồ Văn Lĩnh**

**Lê Ngọc**

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/8/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng
- Công ty CP Sách TBTH Bình Định

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối năm tài chính đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### *Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất (từ 45 đến 50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc năm tài chính mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
  - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	136.978.000	33.177.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.322.406.182	1.619.126.356
<b>Cộng</b>	<b>3.459.384.182</b>	<b>1.652.303.856</b>

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	8.000.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng	8.000.000.000	8.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.500.000.000</b>

### 7. Đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh (STC)	408.545.000	574.500.000	-	408.545.000	348.002.273	60.542.727
<b>Cộng</b>	<b>408.545.000</b>	<b>574.500.000</b>	<b>-</b>	<b>408.545.000</b>	<b>348.002.273</b>	<b>60.542.727</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016			01/01/2016			
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000			5.449.500.000		
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (i)	20%	2.530.000.000	-	-	2.530.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB)	25,92%	2.919.500.000	-	3.007.085.000	2.919.500.000	-	1.772.505.000
Đầu tư vào đơn vị khác		16.227.750.000			1.350.000.000		
- Công ty CP D.vụ Xuất bản GD Đà Nẵng (i)	8,76%	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN)	2,27%	1.000.000.000	-	950.000.000	1.000.000.000	-	1.150.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) (ii)	8,59%	8.877.750.000	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị GD VN (i)	5,52%	6.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>21.677.250.000</b>	<b>-</b>		<b>6.799.500.000</b>	<b>-</b>	

- (i) Cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm 31/12/2016. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.
- (ii) Cổ phiếu này đã tạm ngừng giao dịch trên thị trường chứng khoán từ 13/07/2016 theo Thông báo số 676/TB-SGDHN ngày 11/07/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Giá cổ phiếu tại ngày tạm ngừng giao dịch là 7.600đ/cổ phiếu, cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty, do đó không có cơ sở để trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Sách - Văn hóa Thời Đại	1.951.642.423	382.388.725
Công ty TNHH MTV Sách & TBGD Phước Lộc	1.610.300.805	291.578.126
Công ty CP Sách - Thiết Bị Quảng Ngãi	1.523.776.749	1.953.725
Các đối tượng khác	9.820.918.087	9.816.319.745
<b>Cộng</b>	<b>14.906.638.064</b>	<b>10.492.240.321</b>

### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	686.742.200	949.624.659
Công ty CP SGD tại TP. Hồ Chí Minh	155.057.792	138.697.472
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	176.432.810	156.930.870
Công ty CP In - Phát hành Sách & TBTH Quảng Trị	86.341.792	482.068.832
Công ty CP Sách & TBTH Bình Định	178.061.675	407.684.619
Công ty CP Sách & TBTH Quảng Ngãi	1.523.776.749	1.953.725
Các đối tượng khác	217.833.321	1.774.856.213
<b>Cộng</b>	<b>3.024.246.339</b>	<b>3.911.816.390</b>

### 9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP In & Dịch vụ Thừa Thiên Huế	356.704.784	-
Công ty CP In - Đầu tư Phát triển Giáo dục Gia Lai	506.799.845	-
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết & DV In Đà Nẵng - XN In Tổng hợp	408.477.410	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	668.438.957	3.508.926.207
Các đối tượng khác	153.507.077	1.476.959.216
<b>Cộng</b>	<b>2.093.928.073</b>	<b>4.985.885.423</b>

### Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	668.438.957	3.508.926.207
<b>Cộng</b>	<b>668.438.957</b>	<b>3.508.926.207</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.089.587.487	-	569.892.319	-
Phải thu khác	58.784.255	-	125.467.179	-
- <i>Lãi dự thu</i>	-	-	8.833.334	-
- <i>Phải thu về tiền Bảo hiểm xã hội</i>	-	-	63.125.145	-
- <i>Phải thu CBCNV</i>	58.784.255	-	53.508.700	-
<b>Cộng</b>	<b>1.148.371.742</b>	<b>-</b>	<b>695.359.498</b>	<b>-</b>

### 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Trên 3 năm	226.430.523	187.599.998
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	364.318.992	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	384.683.044	409.936.949
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	135.983.277	39.205.724
<b>Cộng</b>	<b>1.111.415.836</b>	<b>636.742.671</b>

### 12. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.017.569.887	-	845.164.056	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.288.624.922	-	16.970.169.552	-
Thành phẩm	16.134.840.200	4.139.618.106	19.503.555.211	7.474.913.816
Hàng hóa	-	-	3.321.146.979	-
<b>Cộng</b>	<b>29.441.035.009</b>	<b>4.139.618.106</b>	<b>40.640.035.798</b>	<b>7.474.913.816</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.992.669.999	2.116.493.468
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	19.367.755	3.461.363
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	122.880.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.134.917.754</u></b>	<b><u>2.119.954.831</u></b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Hòa Cầm (*)	720.874.096	790.078.012
<b>Cộng</b>	<b><u>720.874.096</u></b>	<b><u>790.078.012</u></b>

(\*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

### 14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	14.512.702.303	1.470.960.000	382.414.091	16.366.076.394
Đ/tr XDCB h/thành	295.985.000	-	-	295.985.000
Tăng khác trong năm	14.709.000	-	-	14.709.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>14.823.396.303</u></b>	<b><u>1.470.960.000</u></b>	<b><u>382.414.091</u></b>	<b><u>16.676.770.394</u></b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	2.622.253.344	1.389.200.910	351.596.573	4.363.050.827
Khấu hao trong năm	763.323.742	79.093.295	18.769.277	861.186.314
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.385.577.086</u></b>	<b><u>1.468.294.205</u></b>	<b><u>370.365.850</u></b>	<b><u>5.224.237.141</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	11.890.448.959	81.759.090	30.817.518	12.003.025.567
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>11.437.819.217</u></b>	<b><u>2.665.795</u></b>	<b><u>12.048.241</u></b>	<b><u>11.452.533.253</u></b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.775.215.909 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là: 4.395.644.436 đồng.

### 15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>85.000.000</b>	<b>7.884.999.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	36.927.785	36.927.785
Khấu hao trong năm	-	17.000.004	17.000.004
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>53.927.789</b>	<b>53.927.789</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	48.072.215	7.848.071.215
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>31.072.211</b>	<b>7.831.071.211</b>

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2016.

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	1.166.716.152	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	998.295.700	919.895.400
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	2.853.218.050	327.998.172
Các đối tượng khác	4.220.627.839	2.594.473.452
<b>Cộng</b>	<b>9.238.857.741</b>	<b>3.842.367.024</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

<b>Nợ phải trả</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	998.295.700	919.895.400
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	811.338.328	-
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	566.834.434	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	668.052.073	873.981.708
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	241.598.250	-
Công ty CP ĐT & Phát triển GD Phương Nam	Công ty nhận đầu tư	449.431.939	79.790.784
Các đối tượng khác		424.883.800	475.314.835
<b>Cộng</b>		<b>4.160.434.524</b>	<b>2.348.982.727</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Công ty TNHH Crown WorldWide	153.648.000	316.800.000
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	66.736.090	-
Các đối tượng khác	14.339.341	567.805.322
<b>Cộng</b>	<b>234.723.431</b>	<b>884.605.322</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số thực nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>			<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	714.025.709	33.314.471	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	299.299.167	3.724.732.118	4.084.769.415	60.738.130	-
Thuế thu nhập cá nhân: CBCNV	231.669	-	65.930.703	28.527.149	-	37.171.885
Thuế thu nhập cá nhân: vãng lai	-	115.647.196	601.160.871	621.444.741	-	95.363.326
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>231.669</b>	<b>414.946.363</b>	<b>5.108.849.401</b>	<b>4.771.055.776</b>	<b>60.738.130</b>	<b>132.535.211</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lãi vay phải trả	-	7.667.049
Phí tổ chức bản thảo, phí bản quyền	2.957.305.776	3.145.062.670
Trích trước chi phí tư vấn thiết kế	18.500.000	-
Chi phí phải trả khác	2.609.798	8.726.182
<b>Cộng</b>	<b><u>2.978.415.574</u></b>	<b><u>3.161.455.901</u></b>

### 20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản thừa chờ giải quyết	88.549.631	35.497.150
Chi phí môi giới xúc tiến giới thiệu sách	663.791.264	260.097.980
Kinh phí công đoàn	25.706.430	-
Bảo hiểm xã hội	52.305.961	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.920.960.000	320.000
Phải trả về Bảo hiểm để lại 2% theo chế độ	-	115.431.106
Phải trả khác	3.019.549	92.834.121
<b>Cộng</b>	<b><u>8.754.332.835</u></b>	<b><u>504.180.357</u></b>

### 21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	6.944.501.374	49.694.435.980	51.566.402.389	5.072.534.965
<b>Cộng</b>	<b><u>6.944.501.374</u></b>	<b><u>49.694.435.980</u></b>	<b><u>51.566.402.389</u></b>	<b><u>5.072.534.965</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.045.702.741</b>	<b>13.077.556.480</b>
Tăng trong năm	-	-	643.804.812	12.876.096.235
Giảm trong năm	-	-	-	2.575.219.248
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.689.507.553</b>	<b>23.378.433.467</b>
			-	
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.689.507.553</b>	<b>23.378.433.467</b>
Tăng trong năm	-	-	662.393.925	13.247.878.488
Giảm trong năm	-	-	-	18.821.855.698
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>5.351.901.478</b>	<b>17.804.456.257</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Cty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	23.378.433.467	13.077.556.480
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	13.247.878.488	12.876.096.235
Phân phối lợi nhuận	18.821.855.698	2.575.219.248
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.251.640.000	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	331.000.000	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông (17%)	7.920.640.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	10.570.215.698	2.575.219.248
- Trích quỹ đầu tư phát triển	662.393.925	643.804.812
- Chia cổ tức cho các cổ đông (17%)	7.920.640.000	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	1.324.787.849	1.287.609.624
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	662.393.924	643.804.812
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>17.804.456.257</b>	<b>23.378.433.467</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 169/CV-DEIDCO ngày 05/04/2016.

### e. Cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 05/04/2016 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 17%/ vốn điều lệ (tương ứng 7.920.640.000 đồng). Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 05/01/2016 và chi trả cổ tức cho cổ đông từ ngày 25/01/2016.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 772/CV- DEIDCO ngày 14/12/2016 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt cho các cổ đông với tỷ lệ 17%/vốn điều lệ, tương đương: 7.920.640.000 đồng. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/12/2016 và chi trả cổ tức cho cổ đông từ ngày 16/01/2017.

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng doanh thu	128.916.454.338	132.937.482.467
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	92.205.205.575	93.647.736.676
+ Doanh thu bán sách tham khảo	21.400.334.767	25.836.448.460
+ Doanh thu khác	15.310.913.996	13.453.297.331
<b>Cộng</b>	<b>128.916.454.338</b>	<b>132.937.482.467</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	2.903.138.912	2.505.133.956
<b>Cộng</b>	<b>2.903.138.912</b>	<b>2.505.133.956</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	60.221.394.953	67.403.347.109
Giá vốn sách tham khảo	13.046.818.533	15.172.741.522
Giá vốn hoạt động khác	13.953.149.841	11.964.510.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.335.295.710)	1.100.002.420
<b>Cộng</b>	<b>83.886.067.617</b>	<b>95.640.601.274</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	33.098.661	296.471.106
Cổ tức, lợi nhuận được chia	586.475.000	550.974.000
<b>Cộng</b>	<b>619.573.661</b>	<b>847.445.106</b>

### 27. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	570.834.464	519.137.698
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	937.443.130	727.304.890
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(60.542.727)	(1.365.580.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.447.734.867</b>	<b>(119.137.412)</b>

### 28. Chi phí bán hàng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	1.496.638.322	1.670.908.346
Chi phí nhân viên bán hàng	3.805.968.989	2.960.923.186
Chi phí hoa hồng môi giới	2.007.477.012	1.653.932.898
Các khoản khác	4.713.388.495	2.387.911.670
- Chi phí khấu hao	320.430.870	405.916.286
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	1.220.814.677	976.694.269
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo	2.353.665.875	258.597.623
- Chi phí thuê kho Hòa Cầm	154.886.916	154.886.916
- Chi phí khác	663.590.157	591.816.576
<b>Cộng</b>	<b>12.023.472.818</b>	<b>8.673.676.100</b>

### 29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	2.931.883.768	2.483.571.152
Chi phí nhân viên quản lý	4.995.447.079	2.960.923.187
Các khoản khác	4.367.240.073	4.814.409.380
- Chi phí khấu hao	557.755.448	616.910.266
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	474.673.165	341.933.504
- Chi phí đào tạo, học tập, trao đổi kinh nghiệm	669.239.850	451.257.172
- Chi phí khác	2.665.571.610	3.404.308.438
<b>Cộng</b>	<b>12.294.570.920</b>	<b>10.258.903.719</b>

### 30. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Xử lý chênh lệch công nợ	10.414.220	110
<b>Cộng</b>	<b>10.414.220</b>	<b>110</b>

### 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.972.610.606	16.919.561.066
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.651.049.982	1.315.390.083
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	2.237.524.982	1.866.364.083
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	586.475.000	550.974.000
Tổng thu nhập chịu thuế	18.623.660.588	18.234.951.149
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.724.732.118</b>	<b>4.043.464.831</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.724.732.118	4.011.689.253
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	31.775.578

### 32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.247.878.488	12.876.096.235
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.987.181.773)	(2.262.414.436)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích Quỹ KTPL, Quỹ KT BĐH)	1.987.181.773	2.262.414.436
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.260.696.715	10.613.681.799
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.417</b>	<b>2.278</b>

### 33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.878.176.234	51.933.350.769
Chi phí nhân công	8.801.416.068	6.382.666.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	878.186.318	1.022.826.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.883.475.023	33.281.573.946
Chi phí khác bằng tiền	8.517.700.953	7.773.375.799
<b>Cộng</b>	<b>90.958.954.596</b>	<b>100.393.793.357</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là in và phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### **35. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, giá nguyên vật liệu, chi phí công in và giá cổ phiếu.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in*

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

##### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

### ***Quản lý rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh do một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### ***Phải thu khách hàng***

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thì địa bàn và các chính sách bán hàng được thực hiện theo Quyết định của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Theo đó, khách hàng đối với mặt hàng này được phân làm 2 loại: đối tác chiến lược (11 Công ty hoạt động trên 8 tỉnh Miền Trung và Tây nguyên) và đối tác phát hành (2 Công ty).

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định kỹ về khả năng phát hành cũng như tài chính để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Hiện nay, khách hàng của Công ty được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập hạn mức công nợ và mức chiết khấu cụ thể.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### ***Số dư tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Đà Nẵng; Ngân hàng Công thương Thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành phố Đà Nẵng)... Rủi ro tín dụng đối với các số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với số dư tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 6. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

### ***Các công cụ tài chính khác***

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu được coi là quá hạn và đã được trích lập dự phòng vào ngày 31/12/2016.

### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	9.238.857.741	-	9.238.857.741
Chi phí phải trả	2.978.415.574	-	2.978.415.574
Vay và nợ thuê tài chính	5.072.534.965	-	5.072.534.965
Phải trả khác	8.587.770.813	-	8.587.770.813
<b>Cộng</b>	<b>25.877.579.093</b>	<b>-</b>	<b>25.877.579.093</b>

  

<b>01/01/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	3.842.367.024	-	3.842.367.024
Chi phí phải trả	3.161.455.901	-	3.161.455.901
Vay và nợ thuê tài chính	6.944.501.374	-	6.944.501.374
Phải trả khác	468.683.207	-	468.683.207
<b>Cộng</b>	<b>14.417.007.506</b>	<b>-</b>	<b>14.417.007.506</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<b>31/12/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.459.384.182	-	11.459.384.182
Đầu tư tài chính	408.545.000	16.227.750.000	16.636.295.000
- <i>Vốn niêm yết</i>	408.545.000	9.877.750.000	10.286.295.000
- <i>Vốn chưa niêm yết</i>	-	6.350.000.000	6.350.000.000
Phải thu khách hàng	13.795.222.228	-	13.795.222.228
Phải thu khác	58.784.255	-	58.784.255
<b>Cộng</b>	<b>25.721.935.665</b>	<b>16.227.750.000</b>	<b>41.949.685.665</b>
<b>01/01/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.152.303.856	-	10.152.303.856
Đầu tư tài chính	348.002.273	1.350.000.000	1.698.002.273
- <i>Vốn niêm yết</i>	348.002.273	1.000.000.000	1.348.002.273
- <i>Vốn chưa niêm yết</i>	-	350.000.000	350.000.000
Phải thu khách hàng	9.855.497.650	-	9.855.497.650
Phải thu khác	125.467.179	3.400.000.000	3.525.467.179
<b>Cộng</b>	<b>20.481.270.958</b>	<b>4.750.000.000</b>	<b>25.231.270.958</b>

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

<b>Mua hàng</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Công ty Cổ phần học liệu	Chung công ty đầu tư	1.778.960.000	1.810.760.000
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.803.041.380	6.803.770.784
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD tại Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	2.176.761.660	106.408.040
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.694.070.365	3.257.306.258
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	12.238.996.583	10.615.187.345
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	3.920.258.165	4.362.513.439
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.047.402.880	433.203.120
<b>Bán hàng</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	5.035.978.310	6.547.682.558
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	7.573.710.050	12.271.978.759
Công ty CP Sách - TBTH Kon Tum	Chung công ty đầu tư	3.759.854.047	3.601.293.459
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi	Chung công ty đầu tư	5.887.387.804	4.699.031.544
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	3.612.082.900	2.464.933.488
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.134.928.160	2.295.258.905
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.594.934.000	2.072.180.000
Công ty CP Sách - TBTH Thừa Thiên Huế	Chung công ty đầu tư	6.407.214.033	5.711.316.944

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **b. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.425.434.539	827.240.220
Thù lao Hội đồng quản trị	1.125.666.096	352.000.000

### **37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **38. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Hồ Văn Lĩnh**

**Lê Ngọc**

*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2017*